

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2025 của
Trường Tiểu học Him Lam**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Điện Biên Phủ về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát sinh được giao năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách bổ sung năm 2025 của Trường Tiểu học Him Lam *(theo các biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận, ban ngành đoàn thể, tổ chuyên môn và bộ phận hành chính trong nhà trường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Bích

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH BỔ SUNG NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 124/QĐ-THHL, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Hiệu trưởng trường Tiểu học Him Lam)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	Tổng số thu ngân sách, phí, lệ phí	123.590.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	123.590.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	123.590.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	123.590.000
1.1	Kinh phí chi thường xuyên	20.000.000
1.2	Kinh phí không thường xuyên	103.590.000

Số: 1779/QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ
phát sinh được giao năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để chi thực hiện chế độ chính sách, các nhiệm vụ được giao và bổ sung quỹ dự trữ tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí cho các cơ quan, các xã, phường thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được giao năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho UBND các xã, phường thực hiện mua sắm trang thiết bị dạy học;

Căn cứ Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho các đơn vị thực hiện chi trả các chế độ, chính sách đối với viên chức, hợp đồng tăng thêm của Trung tâm dịch vụ tổng hợp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 1026 /TTr-KTHTĐT ngày 30/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được giao năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí bổ sung: 13.216 triệu đồng (Số tiền bằng chữ: Mười ba tỷ, hai trăm mười sáu triệu đồng), nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tại Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 29/12/2025; Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 29/12/2025; Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 30/12/2025; Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 và Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cân đối từ nguồn kinh phí trên bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

2. Căn cứ kinh phí được bổ sung, Thủ trưởng đơn vị có tên tại Điều 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, KBNN khu vực X và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy phường (b/c);
- TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hà Thanh Tùng

**CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỎI HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND phường Điện Biên Phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
I	THU BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	13.216	
1	Quyết định số 2996/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để chỉ thực hiện chế độ chính sách, các nhiệm vụ được giao và bổ sung quỹ dự trữ tài chính	607	
2	Quyết định số 2983/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho UBND các xã, phường thực hiện mua sắm trang thiết bị dạy học	220	
3	Quyết định số 3002/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho các đơn vị thực hiện chi trả các chế độ, chính sách đối với viên chức, hợp đồng tăng thêm của Trung tâm dịch vụ tổng hợp	130	
4	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để chỉ thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh	5.241	
5	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về bổ sung kinh phí cho các cơ quan, các xã, phường thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được giao năm 2025	7.018	
II	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	13.216	
1	Văn phòng Đảng uỷ	239	
1.1	Chi quản lý hành chính	239	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	239	
+	Hỗ trợ năng lương thường xuyên, năng lương trước thời hạn	30	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
+	Hỗ trợ tăng Bảo hiểm xã hội cho các bộ không chuyên trách TDP, bản	209	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
2	Ủy ban MTTQ Việt Nam	164	
2.1	Chi quản lý hành chính	164	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	164	
+	Hỗ trợ năng lương thường xuyên, năng lương trước thời hạn	23	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
+	Hỗ trợ tăng Bảo hiểm xã hội cho các bộ không chuyên trách TDP, bản	141	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
3	Văn phòng HĐND và UBND	258	
3.1	Chi quản lý hành chính	258	

STT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	258	
+	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn	49	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
+	Hỗ trợ tăng Bảo hiểm xã hội cho các bộ không chuyên trách TDP, bản	209	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4.442	
4.1	Chi quản lý hành chính	334	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	334	
+	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn	96	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
-	Kinh phí do tăng phụ cấp hàng tháng của thôn đội trưởng theo Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/2/2025 và Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025(hoàn trả dự toán ngân sách phường đã cấp cho Quân sự, bổ sung thực hiện kinh phí đã thực hiện quyết toán ngân sách thành phố Điện Biên Phủ (cũ)	238	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
4.2	Kinh phí CCTL UBND thành phố ĐBP đã chi tính gián biên chế theo Nghị định 178 để thực hiện quyết toán	3.501	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
4.3	Sự nghiệp môi trường	600	
-	Công tác vệ sinh môi trường, xử lý rác thải	600	Quyết định số 2996/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh DB
4.4	Kinh phí thực hiện Chính sách theo Nghị định số 263/NĐ-CP ngày 29/8/2025	7	
-	Kinh phí tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9	7	Quyết định số 2996/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh DB
5	Phòng Văn hoá - Xã hội	4.892	
5.1	Chi quản lý hành chính	6	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6	
+	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn	6	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
5.2	Đảm bảo xã hội	4.886	
	Chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ (Hiệu lực từ ngày 01/7/2024)	4.494	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ	303	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB

STT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
	Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	89	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	5	
6.1	Chi quản lý hành chính	5	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5	
+	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn	5	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	137	
7.1	Chi quản lý hành chính	7	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7	
+	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn	7	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
7.2	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	95	
-	Kinh phí chi trả chế độ, chính sách đối với viên chức, hợp đồng tăng thêm của Trung tâm dịch vụ tổng hợp	95	Quyết định số 3002/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh DB
7.3	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	35	Quyết định số 3002/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh DB
9	Trường Mầm non 7/5	8,37	
9.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	8,37	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	8,37	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
10	Trường Mầm non Sơn ca	28,95	
10.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	28,95	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	28,95	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
11	Trường Mầm non Hoa Ban	50,78	
11.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	50,78	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	5,78	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	45,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh DB
12	Trường Mầm non Hoa Hồng	5,58	
12.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	5,58	

STT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	5,58	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
13	Trường Mầm non 20/10	29,78	
13.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	29,78	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	5,78	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	24,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
14	Trường Mầm non Thanh Bình	5,78	
14.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	5,78	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	5,78	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
15	Trường Mầm non Thanh Trường	147,23	
15.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	147,23	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	112,50	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	34,73	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
16	Trường Mầm non Him Lam	47,66	
16.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	47,66	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	36,30	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	11,36	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
17	Trường Mầm non Hoa Mai	128,10	
17.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	128,10	
-	Mua sắm trang thiết bị dạy học	49,00	Quyết định số 2983/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	34,10	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	45,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB

STT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
18	Trường Mầm non Hoà Mi	136,35	
18.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	136,35	
-	Mua sắm trang thiết bị dạy học	32,78	Quyết định số 2983/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	11,57	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	92,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
19	Trường Tiểu học Him Lam	123,59	
19.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	123,59	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	53,70	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Mua sắm trang thiết bị dạy học	44,27	Quyết định số 2983/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 05/5/2017	5,62	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	20,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
20	Trường Tiểu học Hoàng Văn Nô	186,74	
20.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	186,74	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	62,40	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Mua sắm trang thiết bị dạy học	49,34	Quyết định số 2983/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	75,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
21	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện	131,11	
21.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	131,11	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	86,50	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Mua sắm trang thiết bị dạy học	44,61	Quyết định số 2983/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
22	Trường Tiểu học Hà nội Điện Biên Phủ	228,42	
22.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	228,42	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	87,80	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB

STT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 05/5/2017	5,62	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	135,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
23	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn	132,50	
23.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	132,50	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	132,50	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
24	Trường Tiểu học- THCS Thanh Minh	82,00	
24.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	82,00	
-	Kinh phí hỗ trợ học sinh PTTH vùng ĐBKK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 và số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	82,00	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
25	Trường THCS Tân Bình	315,40	
25.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	315,40	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	114,40	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Chính sách hỗ trợ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	91,00	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	110,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
26	Trường THCS Thanh Bình	59,30	
26.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	59,30	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	18,30	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	41,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
27	Trường THCS Trần Can	47,90	
27.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	47,90	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	47,90	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
28	Trường THCS Herman	88,44	
28.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	88,44	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	13,30	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB

STT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 05/5/2017	13,14	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	62,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
29	Trường TH-THCS Thanh Trường	305,90	
29.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	305,90	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	196,90	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	109,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
30	Trường THCS Mường Thanh	148,12	
30.1	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9	148,12	
-	Giáo viên dạy người khuyết tật từ T9-T12/2025	65,50	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 05/5/2017	5,62	Quyết định số 2968/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
-	Kinh phí bổ sung tiền lương	77,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB
31	Kinh phí giáo dục chưa phân bổ	641,00	
-	Kinh phí thăng hạng giáo viên	641,00	Quyết định số 2966/QĐ-UBND, ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ĐB

